

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG SẠCH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG SẠCH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CLEAN ENVIRONMENT TECHNOLOGY CONSULTANT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CLEAN ENVIRONMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107948365

3. Ngày thành lập: 07/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 29, ngách 355/37, tổ 14, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
2.	Bán buôn tổng hợp	4690
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
5.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
6.	Xây dựng công trình công ích	4220
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê.	4290
8.	Phá dỡ	4311
9.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
10.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh,	4329
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà,	4390
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
17.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
19.	Thu gom rác thải độc hại	3812
20.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
22.	Tái chế phế liệu	3830
23.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ khác	7490
25.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước	7110
27.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559

28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Điều hành tua du lịch	7912
31.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
32.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
33.	Lập trình máy vi tính	6201
34.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
36.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
37.	Xuất bản phần mềm	5820
38.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
39.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224
41.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
42.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
43.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
44.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
46.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
51.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
52.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
57.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
58.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
59.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
60.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
61.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
62.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

63.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm)	0899
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
66.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
67.	In ấn	1811
68.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
69.	Trồng lúa	0111
70.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
71.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
72.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
73.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
74.	Khai thác thủy sản biển	0311
75.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
76.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
77.	Sản xuất giống thủy sản	0323
78.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
79.	Khai thác và thu gom than non	0520
80.	Sản xuất sợi	1311
81.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
82.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
83.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
84.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
85.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
86.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
87.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
88.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
89.	Quảng cáo	7310
90.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
91.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
92.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
93.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
94.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420

95.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
96.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
97.	Cho thuê xe có động cơ	7710
98.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659
99.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
100.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
101.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
102.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
103.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

104.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
105.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
106.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
107.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
108.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
109.	Bán mô tô, xe máy	4541
110.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
111.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ VINH QUANG	Thôn Lưu Phái, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	011770178	
2	VŨ THANH VÂN	Số 115 Trúc Bạch, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	012495986	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ VINH QUANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/01/1952*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011770178*

Ngày cấp: *09/05/2009*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Lưu Phái, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 115 Trúc Bạch, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*